

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MÓNG CÁI
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **33/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 05/8/2022

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MÓNG CÁI, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà **Dương Thị Thu Hà**

Các Hội thẩm nhân dân: bà **Đinh Thanh Hoàn** và ông **Vy Đức Hạnh**

- Thư ký phiên tòa: bà **Đặng Thu Trang** là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: bà **Tạ Thị Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh **Các Văn Qu**, sinh năm: 1984; nơi thường trú: khu 5, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt, có lý do.

- Bị đơn: chị **Cao Bích T**, sinh năm: 1988; nơi thường trú: khu 5, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Hiện nay đang chấp hành án phạt tù tại trại giam X. Vắng mặt, có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo Đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2022, bản tự khai của nguyên đơn anh Các Văn Qu và bị đơn chị Cao Bích T, nội dung vụ án thể hiện như sau:

Anh Các Văn Qu và chị Cao Bích T chung sống với nhau từ năm 2006, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K, thành phố H ngày 22/9/2006, việc chung sống và đăng ký kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Anh Qu và chị T đều thừa nhận thời điểm phát sinh mâu thuẫn và ly thân từ những năm 2018 - 2019 đến nay và có nội dung trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn cơ bản phù hợp nhau thể hiện do bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Do vi phạm pháp luật nên năm 2019 chị T phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam X. Đến nay, anh Qu và chị T đều xác định

tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tồn tại nên anh Qu yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị T. Chị T chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Qu.

Về con chung: anh Qu và chị T có 02 (hai) con chung là Các Thùy D, sinh ngày 04/9/2006 và Các Văn M, sinh ngày 06/10/2009. Anh Qu yêu cầu được nuôi 02 (hai) con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý với yêu cầu của anh Qu.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: anh Qu và chị T đều có quan điểm thống nhất không có tài sản chung và khoản nợ chung vợ chồng.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Qu và chị T đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

[3]. Các tài liệu chứng cứ anh Các Văn Qu đã nộp kèm theo Đơn khởi kiện gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Sổ hộ khẩu (bản sao); Căn cước công dân (02 bản sao); Giấy khai sinh (02 bản sao); Sổ thăm gặp phạm nhân và gửi tiền lưu ký (bản sao); Vận đơn bưu gửi (bản chính).

Các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập trong quá trình giải quyết vụ án: bản tự khai, đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn anh Qu; bản tự khai, đơn đề nghị giải quyết vắng mặt của bị đơn chị T; biên bản xác minh; biên lấy lời khai của các con chung;

[4]. Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật. Việc lập hồ sơ, thu thập chứng cứ của Thẩm phán đúng theo quy định. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Các Văn Qu đối với chị Cao Bích T. Giao con chung Các Thùy D, sinh ngày 04/9/2006 và Các Văn M, sinh ngày 06/10/2009 cho anh Qu nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi), không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Tài sản chung và khoản nợ chung không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hôn nhân và gia đình” của anh Các Văn Qu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình anh Các Văn Qu có quyền làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với chị Cao Bích T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn chị T đang phải chấp hành án phạt tù, nguyên đơn và bị đơn đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh Qu và bị đơn chị T vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện, nội dung tự khai của anh Các Văn Qu và chị Cao Bích T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: anh Qu và chị T chung sống và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật từ năm 2006, trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau thời gian chung sống đến năm 2018 - 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi chửi nhau, hôn nhân không hạnh phúc. Do vi phạm pháp luật, năm 2019 chị Cao Bích T bị bắt và phải chấp hành hình phạt 08 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Qu và chị T kéo dài, không có biện pháp khắc phục, khi chị T đi chấp hành án phạt tù cuộc sống chung vợ chồng thực tế không diễn ra, mục đích hôn nhân không đạt được, hơn nữa chị T đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh Qu. Do đó, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Các Văn Qu đối với chị Cao Bích T.

- Về con chung: anh Qu và chị T có 02 (hai) con chung là Các Thùy D, sinh ngày 04/9/2006 và Các Văn M, sinh ngày 06/10/2009. Anh Qu có quan điểm đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung, bản thân hai con đang sinh sống cùng với anh Qu, các cháu đã trên 07 tuổi có nguyện vọng ở cùng bố. Hiện nay, chị T đang chấp hành án, hơn nữa, chị T đồng ý với quan điểm về con chung của anh Qu, nên có cơ sở giao 02 (hai) con chung cho anh Qu nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) và không xem xét về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: không có nên không đề cập giải quyết.

[3]. Về nghĩa vụ chịu án phí: đây là vụ án dân sự sơ thẩm (ly hôn) không có giá ngạch, nên cần buộc nguyên đơn anh Trần Văn Qu phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2018/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Các Văn Qu về việc “tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* xử cho anh Các Văn Qu được ly hôn chị Cao Bích T.

2. *Về con chung:* giao 02 (hai) con chung Các Thùy D, sinh ngày 04/9/2006 và Các Văn M, sinh ngày 06/10/2009 cho anh Các Văn Qu là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các đương sự có quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; Trên cơ sở lợi ích của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:* anh Các Văn Qu phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) anh Qu đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007596 ngày 06/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Móng Cái. Anh Qu đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo:* nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- UBND xã Hòa Nghĩa, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS thành phố Móng Cái;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Dương Thị Thu Hà